

Số: 03 /TB-HĐXTVC

Long Xuyên, ngày 03 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO

Triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự phỏng vấn (vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức năm 2022

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 2898/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên năm 2022;

Hội đồng xét tuyển viên chức thông báo triệu tập các thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự phỏng vấn (vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức năm 2022, cụ thể như sau:

1. Thành phần được triệu tập: Theo Danh sách đính kèm tại Phụ lục I.
2. Thời gian: 01 ngày (ngày 17 tháng 3 năm 2023, thứ sáu).
3. Địa điểm: tại Ban chỉ huy Quân sự thành phố Long Xuyên, địa chỉ đường Nguyễn Hoàng, phường Mỹ hòa, thành phố Long Xuyên.
4. Hình thức thi: Phỏng vấn.
5. Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển.
 - Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị);

- Thang điểm thi phỏng vấn: 100 điểm;
- Không thực hiện phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn;
- Danh mục tài liệu tham khảo: Theo Danh mục đính kèm tại Phụ lục II.

6. Thời gian ôn tập:

- Thí sinh đủ điều kiện thi phỏng vấn vòng 2 có mặt tại phòng họp 1, khu thành ủy thành phố Long Xuyên, vào lúc 14. giờ ngày 08 tháng 3 năm 2023.

7. Lệ phí xét tuyển viên chức:

- Thí sinh dự phỏng vấn (vòng 2) đóng lệ phí: 500.000 đồng/thí sinh trước ngày thi phỏng vấn chính thức, từ 07 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút từ ngày 08/3/2023 ngày 10/3/2023 tại phòng Nội vụ thành phố.

- Sau ngày 10/3/2023, nếu thí sinh không nộp lệ phí xét tuyển viên chức thì Hội đồng xét tuyển viên chức không công nhận kết quả vòng 1 và thí sinh đó không đủ điều kiện để tham gia phỏng vấn vòng 2.

8. Một số lưu ý đối với thí sinh:

- Tất cả thí sinh phải có mặt trước **07 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 03 năm 2023** tại phòng chờ phỏng vấn để nghe sinh hoạt Nội quy kiểm tra sát hạch và làm thủ tục dự thi;

- Khi đến dự thi phỏng vấn thí sinh mang theo giấy tờ tùy thân có dán ảnh như: chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác theo quy định.

Trên đây là Thông báo triệu tập thí sinh tham dự phỏng vấn (vòng 2) kỳ xét tuyển viên chức năm 2022. *gmc*

Nơi nhận:

- TT. UBND TP;
- Thành viên HĐXTVC;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Võ Thị Xuân Kiều**



Phụ lục I

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA PHÒNG VẤN (VÒNG 2)

(Kèm theo Thông báo số 03/TB-HĐXTVC ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

HỌ TÊN	NĂM SINH	ĐỊA CHỈ	TRÌNH ĐỘ			VỊ TRÍ VIỆC LÀM	ĐƠN VỊ TUYỂN DỤNG	ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN	GHI CHÚ
			CHUYÊN MÔN	NGOẠI NGỮ	TIN HỌC				
Trần Vũ Linh	29/5/1989	Mỹ Quý, Long Xuyên	ĐH Văn học	B Tiếng Anh	B	Phóng viên	TT.VH-TT&TT	Không	
Võ Thành Nhân	11/9/1991	Mỹ Quý, Long Xuyên	ĐH SP Lịch sử Chứng chỉ Nghịệp vụ Báo chí	B Tiếng Anh	A	Phóng viên	TT.VH-TT&TT	Không	
Trần Thanh Tâm	1986	Mỹ Long, Long Xuyên	ĐH SP Ngữ văn Chứng chỉ Nghịệp vụ Báo chí	B Tiếng Anh	A	Phóng viên	TT.VH-TT&TT	Không	
Lê Thiện Phúc	15/5/1997	Mỹ Hội Đông, Chợ Mới	ĐH Luật	A Tiếng Anh	Ứng dụng cơ bản	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
Phạm Thị Thanh Tuyền	06/10/1984	Mỹ Quý, Long Xuyên	ĐH Luật	B1 Tiếng Anh	Ứng dụng cơ bản	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
Khuu Thị Trâm Thủy	22/9/1990	Vĩnh Trạch, Thoại Sơn	ĐH Luật	B Tiếng Anh	A	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
Võ Thị Như Yên	29/08/1993	Mỹ Phước, Long Xuyên	ĐH Luật	B Tiếng Anh		Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
Phạm Thị Thanh Hằng	09/05/1997	Lương An Trà, tri Tôn	ĐH Luật	TOEIC	B	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
Ngô Thị Yến Nhi	16/08/1996	Ba Trúc, Tri Tôn	ĐH Luật	B2 Tiếng Anh	A	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
Nguyễn Thúy Vân	13/04/1985	Bình Khánh, Long Xuyên	ĐH Luật	B Tiếng Anh	A	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	



Số TT	HỌ TÊN	NĂM SINH	ĐỊA CHỈ	TRÌNH ĐỘ			VỊ TRÍ VIỆC LÀM	ĐƠN VỊ TUYỂN DỤNG	ĐỔI TUỢNG ƯU TIÊN	GHI CHÚ
				CHUYÊN MÔN	NGOẠI NGỮ	TIN HỌC				
11	Huỳnh Lê Thùy Linh	11/02/1988	Bình Khánh, Long Xuyên	ĐH Luật	B1 Tiếng Anh	A	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
12	Nguyễn Kim Khôi	17/10/2000	Mỹ Quý, Long Xuyên	ĐH Luật	B1.3 Tiếng Anh	Ứng dụng cơ bản	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
13	Đặng Thị Khả Uyên	10/05/1996	Núi Sam, Châu Đốc	ĐH Quản lý Nhà nước	B Tiếng Anh	Ứng dụng cơ bản	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
14	Lê Thị Thanh Huyền	02/12/1999	Đông Xuyên, Long Xuyên	ĐH Luật	B2 Tiếng Anh	Ứng dụng cơ bản	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
15	Trần Nhật Tuấn	07/10/1989	TT Chợ Mới, H.Chợ Mới	ĐH Luật	B Tiếng Anh	CĐ lập trình	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
16	Quách Hữu Nghi	18/07/1985	Châu Phong, Tân Châu	ĐH Hành chính học	B Tiếng Anh	B	Hành chính Tổng hợp	TT.VH-TT&TT	Không	
17	Vũ Thị Mỹ Nhung	22/11/1991	Mỹ Hòa, Long Xuyên	ĐH Kế toán	B Tiếng Anh	B	Kế toán	TT.VH-TT&TT	Không	
18	Hồ Ngọc Thảo Vi	21/12/1994	Bình Khánh, Long Xuyên	ĐH Kế toán; Thạc sĩ Tài chính- Ngân hàng	B1 Tiếng Anh	B	Kế toán	TT.VH-TT&TT	Không	
19	Đàm Thị Thùy Trang	01/01/1993	Định Mỹ, Thoại Sơn	ĐH Việt Nam học	B Tiếng Anh	B	Văn hóa-văn nghệ	TT.VH-TT&TT	Không	
20	Huỳnh Thị Thùy Trang	30/12/1977	Bình Khánh, Long Xuyên	ĐH Quản lý đất đai	Bậc 3 Tiếng Anh	B	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
21	Vũ Thành An	21/12/1984	Đông Xuyên, Long Xuyên	ĐH Quản lý đất đai	Bậc 3 Tiếng Anh	CĐ	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
22	Trần Trúc Giang	30/10/1985	Đông Xuyên, Long Xuyên	ĐH Quản lý đất đai	Bậc 3 Tiếng Anh	A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
23	Phạm Thanh Dũng	05/3/1983	Bình Khánh, Long Xuyên	ĐH Quản lý đất đai	B Tiếng Anh	B	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	

HỌ TÊN	NĂM SINH	ĐỊA CHỈ	TRÌNH ĐỘ			VỊ TRÍ VIỆC LÀM	ĐƠN VỊ TUYÊN DỤNG	ĐỔI TƯỢNG ƯU TIÊN	GHI CHÚ
			CHUYÊN MÔN	NGOẠI NGỮ	TIN HỌC				
Phan Thành Công	06/03/1977	Bình Đức, Long Xuyên	ĐH Kỹ thuật công trình xây dựng	B1 Tiếng Anh	A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
Hoàng Việt Hùng	23/01/1991	Mỹ Quý, Long Xuyên	ĐH Kế toán	Bậc 3 Tiếng Anh	B	Kế toán	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
Nguyễn Quốc Cường	22/08/1992	Mỹ Long, Long Xuyên	ĐH Kế toán	B Tiếng Anh	Ứng dụng nâng cao	Kế toán	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
Lê Duy Đông	1986	Nhà Bàng, Tịnh Biên	ĐH Kế toán	B Tiếng Anh	B	Kế toán	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
Nguyễn Huỳnh Bảo Thư	12/04/1992	Vĩnh Phú, Thoại Sơn	ĐH Kế toán	B Tiếng Anh	A	Kế toán	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
Nguyễn Thị Bích Thảo	10/4/1990	Bình Khánh, Long Xuyên	ĐH Tài chính - Ngân hàng	B Tiếng Anh	A	Kế toán	Đội Quản lý trật tự đô thị	Không	

Tổng cộng danh sách đủ điều kiện có 42 người

Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển



Số TT	HỌ TÊN	NĂM SINH	ĐỊA CHỈ	TRÌNH ĐỘ			VỊ TRÍ VIỆC LÀM	ĐƠN VỊ TUYỂN DỤNG	ĐỔI TƯỢNG ƯU TIÊN	GHI CHÚ
				CHUYÊN MÔN	NGOẠI NGỮ	TIN HỌC				
24	Đỗ Thái Xuân Linh	30/11/1988	Mỹ Phước, Long Xuyên	ĐH Xây dựng công trình	Bậc 3 Tiếng Anh	A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
25	Hồ Thanh Kim Yến	30/4/1985	Mỹ Hòa, Long Xuyên	ĐH Quản lý đất đai	B1 Tiếng Anh	B	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
26	Nguyễn Thanh Phong	29/9/1988	Mỹ Phước, Long Xuyên	ĐH kỹ thuật trắc địa bản đồ	B1 Tiếng Anh	A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
27	Nguyễn Thị Sơn	16/01/1989	Mỹ Thới, Long Xuyên	ĐH Kỹ thuật môi trường	B Tiếng Anh	A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
28	Phạm Hồng Vũ	01/04/1976	Mỹ Quý, Long Xuyên	ĐH Quản lý đất đai	B2 Tiếng Anh	B	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
29	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	14/02/1980	Mỹ Phước, Long Xuyên	ĐH Quản lý đất đai	B1 Tiếng Anh	A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
30	Lê Tuấn	15/04/1986	Phú Hòa, Thoại Sơn	ĐH Quản lý đất đai	B1 Tiếng Anh	A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
31	Trần Ngọc Bảo Nhân	19/02/1974	Bình Khánh, Long Xuyên	ĐH Kỹ thuật công trình xây dựng	B1 Tiếng Anh	Ứng dụng cơ bản	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
32	Nguyễn Thế Hiển	01/07/1983	Mỹ Khánh, Long Xuyên	ĐH Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ	B Tiếng Anh	A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
33	Phạm Hồng Quân	28/09/1986	Mỹ Long, Long Xuyên	ĐH Quản lý đất đai	B Tiếng Anh	B	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
34	Nguyễn Tuấn Anh	25/09/1990	TT.Tĩnh Biên, H.Tĩnh Biên	ĐH Quản lý đất đai	Bậc 3 Tiếng Anh	Ứng dụng nâng cao	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
35	Trương Hữu Tín	15/08/1995	An Thạnh Trung, Chợ Mới	ĐH Tài nguyên & Môi trường	B Tiếng Anh	A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	
36	Nguyễn Xuân Trí	10/05/1977	Mỹ Quý, Long Xuyên	ĐH Quản lý đất đai	B Tiếng Anh	A	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	TT. Phát triển quỹ đất	Không	



Phụ lục II **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

(Kèm theo Thông báo số 03/TB-HĐXTVC ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng xét tuyển viên chức)

I. BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG:

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
2. Luật Đất đai năm 2013;
3. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. (hết hiệu lực 01 phần);
4. Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. (hết hiệu lực 01 phần);
5. Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
6. Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. (hết hiệu lực 01 phần);
7. Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
8. Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
9. Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hợp nhất quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
10. Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

II. KẾ TOÁN

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
2. Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
3. Luật Kế toán ngày 20/11/2015;
4. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

5. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

6. Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

7. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

8. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

9. Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

III. HÀNH CHÍNH – TỔNG HỢP

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

2. Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội về Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

3. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư;

4. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

5. Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

6. Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện;

7. Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 19/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản tài liệu.

IV. PHÓNG VIÊN

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

2. Văn bản hợp nhất số 27/VBHN ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Báo chí;

3. Nghị định số 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 của Chính phủ quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước;

4. Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin;

5. Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở;

6. Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện.

V. VĂN HÓA – VĂN NGHỆ

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

2. Luật Di sản văn hoá ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá ngày 18/6/2009;

3. Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm;

4. Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

5. Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

6. Hướng dẫn số 3420/HD-BVHTTDL ngày 02/10/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.

7. Nghị định số 111/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ quy định về ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày hưởng ứng của các bộ, ngành, địa phương.

